

## BÁO CÁO

### Sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình “Bình dân học AI” năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm

Kính gửi: Đảng ủy Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Thực hiện Kế hoạch số 648/KH-ĐHSP ngày 29/4/2025 của Trường Đại học Sư phạm về việc triển khai Chương trình “Bình dân học AI” năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm báo cáo kết quả thực hiện Chương trình “Bình dân học AI” sau 03 tháng triển khai như sau:

#### 1. Công tác tổ chức và triển khai thực hiện

Trường đã ban hành Kế hoạch số 648/KH-ĐHSP ngày 29/4/2025 của Trường Đại học Sư phạm về việc triển khai Chương trình “Bình dân học AI” năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm. Để triển khai Kế hoạch, Trường đã thành lập Ban tổ chức lớp học, thành lập 02 lớp học: Lớp 1 gồm 288 giảng viên, giáo viên; Lớp 2 gồm 129 chuyên viên, nhân viên. Dựa trên danh sách lớp học, Trường đã lựa chọn 02 giảng viên phụ trách 02 lớp học và cử 46 học viên tham gia nhóm nòng cốt lớp “Bình dân học AI”. Các hoạt động của lớp học được tổ chức dựa trên 02 nhóm facebook dành riêng cho cán bộ giảng viên của Trường. Giảng viên giảng dạy ở lớp học đã đưa ra các nhiệm vụ học tập theo các giai đoạn và hướng dẫn sử dụng các công cụ thông qua các bài chia sẻ hoặc video, học viên các lớp học thực hành áp dụng các công cụ AI được hướng dẫn và chia sẻ sản phẩm trên nhóm.

Kết quả học tập trên nền tảng LuyenAI.vn và mạng xã hội đã đạt được: Nhóm “TNUE học AI - CV” trên mạng xã hội Facebook với 141 thành viên tham gia, nhóm “AI-TNUE-GV” với 217 thành viên tham gia, các thành viên tích cực tương tác, luyện tập với AI hàng ngày theo hướng dẫn của trí tuệ nhân tạo tại hệ thống LuyenAI.vn và theo các hướng dẫn của giảng viên. Đến nay, hai nhóm này đã ghi nhận: 4.788 bài viết chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm; 66.647 lượt thích thể hiện sự hưởng ứng nhiệt tình; 14.507 bình luận cho thấy tinh thần thảo luận sôi nổi. Những kết quả trên thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm của Trường, sự hưởng ứng nhiệt tình của cán bộ, giảng viên và sự đóng góp của các giảng viên hướng dẫn lớp học.

Những kết quả đạt được trong giai đoạn đầu của chương trình “Bình dân học AI” năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm là minh chứng rõ nét cho tinh thần học tập, đổi mới sáng tạo và quyết tâm chuyển đổi số của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Sư phạm, cho thấy Trường đang tích cực thực hiện Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị về



đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, thực hiện các mục tiêu lớn của đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

## 2. Kết quả thực hiện (Tính đến ngày 26/7/2025)

Từ tháng 5/2025 đến 26/7/2025, kết quả thu được như sau:

- Tổng số người tham gia: 394 người/417 người đạt tỷ lệ 94,48%.
- Số người đạt Đẳng 3 trở lên: 280 người, tỷ lệ đạt Đẳng 3 trở lên: 71,1%
- Số lượng người đạt được các Đẳng trong chương trình:
  - + Đẳng 0: 68 người
  - + Đẳng 1: 26 người
  - + Đẳng 2: 20 người
  - + Đẳng 3: 40 người
  - + Đẳng 4: 56 người
  - + Đẳng 5: 127 người
  - + Đẳng 6: 57 người

Ngoài ra, còn có 01 giảng viên tham gia giảng dạy lớp học đạt Đẳng 8.

*(Kết quả cụ thể của từng đơn vị gửi kèm Báo cáo này)*

## 3. Đánh giá chung

- Chương trình đã thu hút được đông đảo cán bộ, giảng viên của Trường tham gia luyện AI với tổng số 394 người tham gia (không tính 02 giảng viên tham gia giảng dạy), tạo thành phong trào “Bình dân học AI” tích cực, sôi nổi trong Nhà trường.

- Các giảng viên, viên chức, người lao động của Trường tích cực tương tác và đăng các sản phẩm trong 2 nhóm Luyện AI của Trường dành cho giảng viên, giáo viên và chuyên viên, nhân viên.

- Kết quả số lượng giảng viên, viên chức, người lao động tham gia lớp học đạt Đẳng 5,6 khá cao đạt 184 người (46,6%), trong đó số lượng đạt từ Đẳng 3 trở lên là 280 người, đạt tỷ lệ 71,1%. Đây là kết quả rất đáng khích lệ chỉ sau gần 3 tháng khai mạc và phát động Chương trình cho thấy sự tiếp cận và khả năng ứng dụng AI của đội ngũ giảng viên, viên chức, người lao động Nhà trường.

- Còn có một số cán bộ giảng viên thực hiện sử dụng AI trong công việc, giảng dạy, có nhiều sản phẩm AI tốt nhưng không thực hiện điểm danh trên LuyenAI.vn hoặc không sử dụng các tài khoản mạng xã hội nên không có kết quả được ghi nhận.

## 4. Kết quả áp dụng

- Đối với giảng viên: Đã bước đầu khai thác các tính năng của ChatGPT và nhiều công cụ AI khác để tham khảo, lập kế hoạch, phân tích dữ liệu, nghiên cứu khoa học, tạo các tài liệu dạy học linh hoạt, phong phú, đa dạng hơn.

- Đối với chuyên viên, nhân viên: Biết cách sử dụng AI để hỗ trợ xử lý số liệu, tối ưu công việc, viết báo cáo, soạn thảo công văn, và giao tiếp nội bộ hiệu quả hơn.

## 5. Thuận lợi, khó khăn, kiến nghị, đề xuất

*Ngân*

### 5.1. Thuận lợi

- Chương trình “Bình dân học AI” năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường trong việc tổ chức các lớp học và hỗ trợ người học.

- Nhiều công cụ AI có bản dùng thử miễn phí, dễ truy cập, phù hợp với điều kiện tự học của giảng viên, viên chức, người lao động trong Trường.

### 5.2. Khó khăn

- Một số giảng viên, viên chức, người lao động ở một số vị trí phục vụ chưa quen với việc ứng dụng công nghệ mới, tâm lý ngại thay đổi, ảnh hưởng tới kết quả học tập.

- Nhiều công cụ AI yêu cầu sử dụng tiếng Anh, phần nào gây khó khăn cho người học không thông thạo ngoại ngữ.

### 5.3. Kiến nghị, đề xuất

- Tiếp tục duy trì các lớp luyện AI, tổng kết theo chủ đề AI để nâng cao trình độ cho toàn bộ đội ngũ.

- Tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm, thực hành chuyên sâu, kết nối người học có cùng mối quan tâm.

- Hướng dẫn sử dụng AI áp dụng vào từng công việc cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu suất công việc.

- Khuyến khích giảng viên, viên chức, người lao động viết bài chia sẻ cách ứng dụng AI song song với việc chia sẻ các sản phẩm.

- Tiếp tục động viên, khích lệ, phát huy vai trò của nhóm học viên nòng cốt trong việc giúp các cán bộ giảng viên chưa thành thạo, các chuyên viên ở vị trí phục vụ bước đầu làm quen và ứng dụng AI trong công việc.

- Thực hiện việc khen thưởng cho các cá nhân tham gia học tập tích cực, có nhiều lan tỏa, chia sẻ kinh nghiệm học tập tới các thành viên trong lớp.

Trên đây là báo cáo sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình “Bình dân học AI” năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại học Thái Nguyên (để báo cáo);
- Đảng ủy Trường ĐHSP (để báo cáo);
- Công đoàn Trường, Đoàn TNCSHCM Trường (để biết và phối hợp);
- Các đơn vị trong Trường (để biết);
- Cổng Thông tin điện tử Trường;
- Lưu: VT, HCTC (4).



PGS.TS. Mai Xuân Trường



## PHỤ LỤC

### KẾT QUẢ LUYỆN AI CỦA CÁC ĐƠN VỊ XẾP THEO ĐẲNG

(Kèm theo Báo cáo số 1263 /BC-ĐHSP ngày 01 tháng 8 năm 2025 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

| Đơn vị                         | Tổng số viên chức, người lao động theo Quyết định | Người tham gia |        | Đẳng 0   |       | Đẳng 1   |       | Đẳng 2   |       | Đẳng 3   |       | Đẳng 4   |       | Đẳng 5   |       | Đẳng 6   |       | Không có dữ liệu |       |
|--------------------------------|---------------------------------------------------|----------------|--------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|------------------|-------|
|                                |                                                   | Số lượng       | Tỷ lệ  | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng         | Tỷ lệ |
| Hành chính Tổ chức             | 19                                                | 19             | 100,00 | 0        | 0,00  | 02       | 10,53 | 0        | 0,00  | 03       | 15,79 | 04       | 21,05 | 07       | 36,84 | 03       | 15,79 | 0                | 0,00  |
| Kế hoạch - Tài chính           | 10                                                | 04             | 40,00  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 01       | 10,00 | 03       | 30,00 | 0        | 0,00  | 06               | 60,00 |
| Đào tạo                        | 16                                                | 16             | 100,00 | 10       | 62,50 | 0        | 0,00  | 02       | 12,50 | 02       | 12,50 | 01       | 6,25  | 01       | 6,25  | 0        | 0,00  | 0                | 0,00  |
| Bảo đảm chất lượng giáo dục    | 11                                                | 11             | 100,00 | 2        | 18,18 | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 02       | 18,18 | 04       | 36,36 | 03       | 27,27 | 0                | 0,00  |
| Khoa học - Công nghệ & HTQT    | 10                                                | 09             | 90,00  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 02       | 20,00 | 02       | 20,00 | 05       | 50,00 | 0        | 0,00  | 01               | 10,00 |
| Quản lý cơ sở vật chất         | 34                                                | 34             | 100,00 | 17       | 50,00 | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 06       | 17,65 | 08       | 23,53 | 03       | 8,82  | 0                | 0,00  |
| Công tác sinh viên             | 19                                                | 19             | 100,00 | 07       | 36,84 | 02       | 10,53 | 01       | 5,26  | 01       | 5,26  | 02       | 10,53 | 06       | 31,58 | 0        | 0,00  | 0                | 0,00  |
| Công nghệ thông tin - Thư viện | 19                                                | 19             | 100,00 | 02       | 10,53 | 04       | 21,05 | 01       | 5,26  | 0        | 0,00  | 20       | 10,53 | 03       | 15,79 | 07       | 36,84 | 0                | 0,00  |
| Ngữ văn                        | 25                                                | 20             | 80,00  | 01       | 4,00  | 0        | 0,00  | 01       | 4,00  | 03       | 12,00 | 01       | 4,00  | 11       | 44,00 | 03       | 12,00 | 05               | 20,00 |

*ng*

| Đơn vị             | Tổng số viên chức, người lao động theo Quyết định | Người tham gia |        | Đăng 0   |       | Đăng 1   |       | Đăng 2   |       | Đăng 3   |       | Đăng 4   |       | Đăng 5   |       | Đăng 6   |       | Không có dữ liệu |       |
|--------------------|---------------------------------------------------|----------------|--------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|------------------|-------|
|                    |                                                   | Số lượng       | Tỷ lệ  | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng         | Tỷ lệ |
| Lịch sử            | 15                                                | 14             | 93,33  | 0        | 0,00  | 01       | 6,67  | 02       | 13,33 | 04       | 26,67 | 01       | 6,67  | 05       | 33,33 | 01       | 6,67  | 01               | 6,67  |
| Địa lý             | 15                                                | 15             | 100,00 | 01       | 6,67  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 01       | 6,67  | 02       | 13,33 | 08       | 53,33 | 03       | 20,00 | 0                | 0,00  |
| Toán               | 24                                                | 23             | 95,83  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 08       | 33,33 | 06       | 25,00 | 07       | 29,17 | 02       | 8,33  | 01               | 4,17  |
| Vật lý             | 17                                                | 16             | 94,12  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 02       | 11,76 | 04       | 23,53 | 09       | 52,94 | 01       | 5,88  | 01               | 5,88  |
| Hóa học            | 21                                                | 21             | 100,00 | 05       | 23,81 | 0        | 0,00  | 02       | 9,52  | 02       | 9,52  | 04       | 19,05 | 04       | 19,05 | 04       | 19,05 | 0                | 0,00  |
| Sinh học           | 19                                                | 19             | 100,00 | 01       | 5,26  | 02       | 10,53 | 02       | 10,53 | 0        | 0,00  | 02       | 10,53 | 08       | 42,11 | 04       | 21,05 | 0                | 0,00  |
| Giáo dục chính trị | 18                                                | 18             | 100,00 | 02       | 11,11 | 0        | 0,00  | 02       | 11,11 | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 05       | 27,78 | 09       | 50,00 | 0                | 0,00  |
| Ngoại ngữ          | 18                                                | 18             | 100,00 | 04       | 22,22 | 06       | 33,33 | 0        | 0,00  | 01       | 5,56  | 04       | 22,22 | 02       | 11,11 | 01       | 5,56  | 0                | 0,00  |
| Tâm lý Giáo dục    | 17                                                | 15             | 88,24  | 0        | 0,00  | 02       | 11,76 | 04       | 23,53 | 02       | 11,76 | 04       | 23,53 | 02       | 11,76 | 01       | 5,88  | 02               | 11,76 |
| Thể dục thể thao   | 24                                                | 24             | 100,00 | 12       | 50,00 | 02       | 8,33  | 0        | 0,00  | 04       | 16,67 | 01       | 4,17  | 05       | 20,83 | 0        | 0,00  | 0                | 0,00  |
| Giáo dục Tiểu học  | 25                                                | 25             | 100,00 | 03       | 12,00 | 03       | 12,00 | 02       | 8,00  | 01       | 4,00  | 05       | 20,00 | 09       | 36,00 | 02       | 8,00  | 0                | 0,00  |
| Giáo dục Mầm non   | 23                                                | 17             | 73,91  | 01       | 4,35  | 01       | 4,35  | 01       | 4,35  | 04       | 17,39 | 01       | 4,35  | 05       | 21,74 | 04       | 17,39 | 06               | 26,09 |
| THPT Thái Nguyên   | 18                                                | 18             | 100,00 | 0        | 0,00  | 01       | 5,56  | 0        | 0,00  | 0        | 0,00  | 01       | 5,56  | 10       | 55,56 | 06       | 33,33 | 0                | 0,00  |

ngũ



| Đơn vị | Tổng số viên chức, người lao động theo Quyết định | Người tham gia |       | Đảng 0   |       | Đảng 1   |       | Đảng 2   |       | Đảng 3   |       | Đảng 4   |       | Đảng 5   |       | Đảng 6   |       | Không có dữ liệu |       |
|--------|---------------------------------------------------|----------------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|------------------|-------|
|        |                                                   | Số lượng       | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng         | Tỷ lệ |
| Tổng   | 417                                               | 394            | 94,48 | 68       | 16,31 | 26       | 6,24  | 20       | 4,80  | 40       | 9,59  | 56       | 13,43 | 127      | 30,46 | 57       | 13,67 | 23               | 5,52  |

*Ngân*